

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-PT

Ngày 03/4/2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**

Các Thẩm phán: **Ông Nguyễn Vũ Đông**

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên tòa: **Ông Lưu Việt Thắng**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Ông Đỗ Đức Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/LHPT ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 75/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2018/QĐ-PT ngày 26/2/2018, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Đỗ Hữu Đ - sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 5A, ngõ 34/2 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Đức Kiên – Công ty luật TNHH MTV Hà Nội - AVINA

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị C - sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 5A, ngõ 34/2 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đỗ Hữu Đoan - sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội

2. Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)

Trụ sở: Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

3. Ông Đỗ Hữu Đào - sinh năm 1943

4. Bà Nguyễn Thị Thảo - sinh năm 1947

Cùng địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, Nguyên đơn là anh Đỗ Hữu Đ trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất, Hà Nội vào ngày 09/12/1998. Sau khi kết hôn anh chị sống tại xã Dị Nậu. Đến tháng 5/2010, vợ chồng chuyển đến số nhà CT 5B Mễ Trì Hạ, Từ Liêm, Hà Nội. Đến tháng 11/2011, vợ chồng chuyển về số nhà 5A, ngõ 34/2 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh và chị C có 04 con chung là Đỗ Thị Kim Oanh - sinh ngày 23/9/1999; Đỗ Thị Thanh Vân - sinh ngày 12/11/2000; Đỗ Thị Lan Anh - sinh ngày 22/9/2004 và Đỗ Thị Ngọc Khánh - sinh ngày 16/02/2008. Khi ly hôn, anh Đ xin được nuôi hai cháu.

Về tài sản chung: Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết

1. Thửa đất tại địa chỉ: số 29A-T9 TT sư đoàn 361 - Tổ 44B, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD165856 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 08/11/2010; diện tích 54,47m².

2. Thửa đất tại địa chỉ: số 5A ngách 34/2 Nguyễn Hồng, quận Đống Đa, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 760332 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 23/9/2011; diện tích 46,85m².

3. Tài sản nhà ở trên thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7 tại xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất, Hà Nội; diện tích 148m² (giá trị tài sản, công sức xây dựng tầng 2 và tầng 3, công, sân và tường bao).

4. Về tài sản khác: Anh chị lập biên bản tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết (kèm theo biên bản thỏa thuận về toàn bộ nội thất trong nhà và xe ngày 23/9/2016).

Về nợ: Anh Đ đề nghị giải quyết khoản tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) vay anh Đỗ Hữu Đoan để trả khoản nợ 3.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng mà anh và chị C đã vay Ngân hàng Techcombank. Anh yêu cầu chị C trả số tiền 1.500.000.000đ.

Về án phí: Anh Đ đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài những vấn đề trên, anh Đ không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ đã rút yêu cầu giải quyết về các phần tài sản gồm: thửa đất tại địa chỉ số 29A-T9 TT sư đoàn 361 - Tổ 44B, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội; thửa đất tại địa chỉ số 5A ngách 34/2 Nguyễn Hồng, quận Đống Đa, Hà Nội; tài sản nhà ở trên thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7 tại xã Dị Nậu,

huyện Thạch Thất, Hà Nội (giá trị tài sản, công sức xây dựng tầng 2 và tầng 3, công, sân và tường bao).

Như vậy, anh Đ chỉ đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và số tiền nợ là 3.000.000.000đ vay của anh Đỗ Hữu Đoan để trả nợ Techcombank.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về tình cảm: Anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất, Hà Nội ngày 09/12/1998. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại xã Dị Nậu. Đến tháng 5/2010, vợ chồng chuyển đến số nhà CT 5B Mễ Trì Hạ, Từ Liêm, Hà Nội. Đến tháng 11/2011, vợ chồng chuyển về số nhà 5A, ngõ 34/2 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 04 con chung là: Đỗ Thị Kim Oanh (nữ) - sinh ngày 23/9/1999; Đỗ Thị Thanh Vân (nữ) - sinh ngày 12/11/2000; Đỗ Thị Lan Anh (nữ) - sinh ngày 22/9/2004 và Đỗ Thị Ngọc Khánh (nữ) - sinh ngày 16/02/2008. Khi ly hôn, chị C xin được nuôi hai cháu là cháu Oanh và cháu Khánh.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 03 tài sản chung yêu cầu Tòa án giải quyết là:

1. Thửa đất tại địa chỉ: Số 29A – T9 TT sư đoàn 361 Tổ 44B, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD165856 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 08/11/2010. Diện tích: 54,47m².

2. Thửa đất tại địa chỉ: Số 5A ngách 34/2 Nguyên Hồng, quận Đống Đa, Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 760332 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 23/9/2011. Diện tích: 46,85m².

3. Thửa đất tại địa chỉ: xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T659162 do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 02/10/2011. Diện tích: 148m².

Tại Đơn đề nghị thu thập, xác minh chứng cứ ngày 11/10/2017, Chị C đã thay đổi yêu cầu thành: “chia tài sản chung là căn nhà 3 tầng ở xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất”.

4. Về tài sản khác: Anh chị lập biên bản tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết (kèm theo biên bản thỏa thuận về toàn bộ nội thất trong nhà và xe ngày 23/9/2016).

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài những vấn đề trên, chị C không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Hữu Đoan trình bày:

Tháng 10/2015, anh Đ có vay của anh 3.000.000.000đ để thanh toán cho Ngân hàng Techcombank, đến thời gian này vẫn chưa thanh toán được cho anh. Nay anh Đ và chị C ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết thanh toán khoản nợ trên cho anh.

2. Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) – chi nhánh Hà Thành – phòng giao dịch Linh Đàm trình bày:

Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam - chi nhánh Thăng Long - phòng giao dịch Linh Đàm (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam - chi nhánh Hà Thành - Phòng giao dịch Linh Đàm) có phát sinh giao dịch tín dụng ngày 07/10/2013 giữa Ngân hàng và khách hàng Đỗ Hữu Đ (chứng minh thư nhân dân 111471666 do Công an Hà Tây cấp ngày 4/3/2009) cùng vợ là bà Nguyễn Thị C (chứng minh thư nhân dân số 112513822 do Công an Hà Nội cấp ngày 12/5/2009). Chi tiết khoản vay như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 56068/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG-LDM ký ngày 07/10/2013.

- Số tiền vay: 3.000.000.000đ.

- Thời điểm tắt toán khoản vay: tháng 11/2015, anh Đỗ Hữu Đ đã tắt toán toàn bộ khoản vay và đã nhận lại tài sản đảm bảo theo đúng quy định. Hiện nay khách hàng không có dư nợ và nghĩa vụ thanh toán với Techcombank.

3. Ông Đỗ Hữu Đào và bà Nguyễn Thị Thảo (bố mẹ đẻ của anh Đ) trình bày:

Về phần quyền sử dụng đất:

Ông bà không đồng ý thừa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 148m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T6591262 do UBND huyện cấp ngày 2/10/2001 tại xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất, Hà Nội, là tài sản chung của vợ chồng anh Đ, chị C. Lý do là thửa đất này là tài sản của vợ chồng ông bà được UBND xã Dị Nậu giao có thu tiền sử dụng đất vào ngày 25/9/1990, số tiền mua đất là 300.000.000đ.

Năm 2001, thửa đất đó bị cấp giấy chứng nhận sai đối tượng cho anh Đỗ Hữu Đ. Năm 2016, khi Tòa giải quyết việc ly hôn của anh Đ và chị C thì ông bà mới biết và có đơn đề nghị hủy sổ. UBND huyện Thạch Thất đã có Quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1156/QĐUBND ngày 27/3/2017. Như vậy việc chị C đưa phần đất này vào yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng là không đúng.

Về tài sản trên đất, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết như sau: Giá trị xây dựng tầng 2 và tầng 3, công, sân và tường bao, ông bà thừa nhận đây là công sức của anh Đ và chị C. Ông bà sẽ thanh toán lại cho anh chị theo giá trên cơ sở phán quyết của Tòa. Phần giá trị tài sản tầng 1 của căn nhà là ông bà bỏ tiền ra xây dựng, nên ông bà đề nghị không tính vào tài sản chung của anh Đ, chị C.

Tại bản án số 75/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ. Anh Đỗ Hữu Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Con chung: Xác nhận anh Đ, chị C có 04 con chung là cháu Đỗ Thị Kim Oanh (nữ) - sinh ngày 23/9/1999; cháu Đỗ Thị Thanh Vân (nữ) - sinh ngày 12/11/2000; cháu Đỗ Thị Lan Anh (nữ) - sinh ngày 22/9/2004 và cháu Đỗ Thị Ngọc Khánh (nữ) - sinh ngày 16/02/2008. Giao chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi cháu Đỗ Thị Ngọc Khánh. Cháu Đỗ Thị Kim Oanh đã trưởng thành việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định. Giao cho anh Đỗ Hữu Đ nuôi hai con là cháu Đỗ Thị Thanh Vân, cháu Đỗ Thị Lan Anh.

Anh Đ, chị C có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Tài sản chung:

- Động sản: Anh Đ và chị C tự thỏa thuận (kèm theo biên bản thỏa thuận về toàn bộ nội thất trong nhà và xe ngày 23/9/2016), không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Chấp nhận đơn rút yêu cầu về phân tài sản của anh Đỗ Hữu Đ là:

- Bất động sản:

- Nhà đất tại số 5A ngách 34/2 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 760332): diện tích đất: 46,85m²

- Nhà đất tại số 29A T9 tập thể sư đoàn 361, tổ 31 phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 165856, được UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 08/11/2010, thửa đất có diện tích 54,47m².

- Nhà đất tại thôn Đoàn Kết, xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất, Hà Nội: tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 7, diện tích 148m² (giá trị tài sản công sức xây dựng tầng 2 và tầng 3, cổng, sân và tường bao).

4. Nợ chung: Anh Đỗ Hữu Đ và chị Nguyễn Thị C mỗi người phải thanh toán số tiền là 1.500.000.000 đồng cho anh Đỗ Hữu Đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13/11/2017, chị Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo với nội dung: Hủy bản án sơ thẩm do có các vi phạm

- Về ly hôn: Chị đã có đơn xin rút đơn khởi kiện nhưng Tòa án không đình chỉ;

- Về con chung: Các con đều trên 07 tuổi, nhưng không lấy ý kiến của các con;

- Về tài sản:

+ Vợ chồng anh chị tạo lập được 03 khối tài sản, nhưng Tòa chỉ chia 01 tài sản tại số nhà 5A, ngách 34/2 Nguyên Hồng, Đống Đa, Hà Nội;

+ Tài sản tại xã Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội: Thẩm phán không công khai chứng cứ về việc UBND huyện Thạch Thất ra Quyết định về việc thu hồi Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số T659162; không đưa UBND huyện Thạch Thất tham gia tố tụng;

+ Đối với khoản nợ cá nhân của anh Đ, chị hoàn toàn không biết;

- Đơn yêu cầu phản tố ngày 26/11/2016 về yêu cầu giải quyết khoản vay nợ cá nhân của Bị đơn có sau khi Tòa tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/12/2015; 23/9/2016; 06/10/2016.

Ngày 14/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội có Quyết định kháng nghị với nội dung: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại do có các vi phạm

- Về tố tụng: Chị C chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án Tòa án nhân dân quận Đống Đa; khoản nợ 3 tỷ của anh Đỗ Hữu Đoan có vi phạm tố tụng và đánh giá chứng cứ;

- Về nội dung: Bản án không tuyên về vấn đề cấp dưỡng, chưa làm rõ trách nhiệm và quyền lợi các bên đối với con chung sau ly hôn; tại phiên tòa, anh Đ có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nhưng bản án không tuyên đình chỉ yêu cầu đó.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Bị đơn không rút đơn kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị C trình bày:

Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý với việc Tòa án sơ thẩm giải quyết cho anh chị ly hôn. Về con cái và cấp dưỡng, chị nhất trí và không có thắc mắc gì nữa. Về những tài sản chung vợ chồng đã chia theo biên bản thỏa thuận giữa hai vợ chồng, chị nhất trí. Về các bất động sản còn lại và công ty cổ phần Vạn Xuân được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, chị sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Các nội dung khác trong đơn kháng cáo, chị cũng không thắc mắc gì nữa và không yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Nay chị chỉ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết đối với khoản nợ 3.000.000.000đ mà anh Đ vay anh Đoan. Chị cho biết Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của anh Đỗ Hữu Đoan (anh trai chồng) để xác định tháng 10/2015, vợ chồng vay anh Đoan số tiền 3.000.000.000đ. Anh Đ và anh Đoan lập giấy vay với nhau, chị không biết gì và không ký giấy vay tiền này, anh Đ đã sử dụng tiền vay anh Đoan như thế nào chị cũng không rõ.

Chị xác nhận là tháng 10/2013, vợ chồng có vay Ngân hàng Techcombank 3.000.000.000đ, cả anh và chị đều có ký vào hợp đồng vay này, sau đó anh Đ một mình đứng ra nhận tiền mà ngân hàng giải ngân và trả tiền ngân hàng. Anh Đ cho rằng vợ chồng vay anh Đoan để thanh toán cho khoản vay 3.000.000.000đ tại Techcombank, nhưng thực tế là tiền vay từ tháng 10/2013 đã trả hết vào ngày 30/10/2015, Techcombank xác nhận đã tất toán xong khoản vay và không có dư

nợ, vậy thì không có lý do gì để phải vay anh Đoàn 3.000.000.000đ vào tháng 10/2015. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không làm thủ tục thụ lý yêu cầu độc lập của anh Đoàn với khoản tiền cho vay của anh.

Anh Đ trình bày:

Về khoản vay anh Đoàn 9.000.000.000đ để mua nhà ở Nguyễn Hồng, đây là do anh Đ và anh Đoàn lập giấy vay với nhau, hai anh sẽ tự giải quyết. Về khoản vay anh Đoàn 3.000.000.000đ để trả tiền vay của ngân hàng Techcombank, anh Đ xác nhận là chị C không ký giấy vay mà chỉ mình anh ký.

Trước đây vợ chồng cùng vay ngân hàng với mục đích là để mua nhà, nhưng trong quá trình vay do không trả được hết nợ nên đã đáo hạn với ngân hàng bằng hợp đồng tín dụng ký ngày 07/10/2013 có thời hạn 24 tháng. Hợp đồng này cả hai vợ chồng cùng ký. Do vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2010 và không thể bàn bạc với nhau, nên việc trả nợ ngân hàng do anh Đ một mình đứng ra thực hiện. Khi đến hạn trả nợ mà vợ chồng lại không có tiền, do sợ mất tài sản thế chấp nên anh đã vay tiền của anh Đoàn để tự trả nợ cho ngân hàng. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên anh đề nghị tòa án buộc chị C phải có nghĩa vụ cùng anh trả khoản nợ này.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ trình bày:

Khoản nợ 3 tỷ xuất phát từ số tiền vay 9 tỷ của anh Đỗ Hữu Đoàn. Sau đó, anh Đ và chị C vay tín dụng 8 tỷ. Chị C cũng đã thừa nhận từ khoản vay 8 tỷ xuống còn 3 tỷ là do đáo hạn từ khoản vay 8 tỷ. Vì vậy, việc cho rằng thời điểm anh chị mua nhà ở số 5A, ngõ 34/2 Nguyễn Hồng mà không có đủ tiền là có cơ sở.

Tại thời điểm vay 3 tỷ, anh Đ và chị C đã ly thân. Khi đến hạn tín dụng, nếu anh Đ không trả được tiền nợ ngân hàng thì chắc chắn không thể giữ được khối tài sản chung là nhà số 5A, ngõ 34/2 Nguyễn Hồng. Anh Đ ngoài số tiền trả nợ tiếp món nợ đã vay anh Đoàn thì còn phải nuôi con, công việc thu nhập chỉ 10 triệu/tháng, không thể có 3 tỷ trả ngân hàng. Việc vay anh Đoàn là có cơ sở để tránh ngân hàng phát mại tài sản. Anh Đoàn đã chuyển trực tiếp số tiền cho vay để trả thẳng ngân hàng. Việc xác định anh Đ vay anh Đoàn, yêu cầu chị C phải có trách nhiệm trả 1,5 tỷ cho anh Đoàn là có cơ sở.

Về kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng anh Đoàn chưa có đơn yêu cầu độc lập và chưa đóng án phí, cần xem xét ở nhiều góc độ. Anh Đoàn đã tham gia với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, mặc dù anh không có đơn yêu cầu độc lập nhưng đã có nhiều bản khai thể hiện việc cho anh Đ vay 3 tỷ và đề nghị Tòa án xem xét khoản nợ này khi anh Đ và chị C ly hôn. Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào bản khai của anh Đoàn và các đương sự khác để giải quyết khoản nợ này là có căn cứ, có cơ sở để đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tổ tụng và chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Anh Đoàn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xin vắng mặt. Xét bản kháng nghị và đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung: Viện kiểm sát Hà Nội vẫn giữ nguyên quan điểm như bản kháng nghị của Viện kiểm sát quận Đống Đa. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị C cơ bản nhất trí với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc ly hôn, nuôi dưỡng chăm sóc con cái, các bên đương sự không có yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con. Chị chỉ không chấp nhận khoản nợ mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh chị phải có trách nhiệm chung, mỗi người trả 1,5 tỷ.

Trong quá trình xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát quận Đống Đa và đơn kháng cáo của chị C, Viện kiểm sát Hà Nội nhận thấy: Ngày 02/8/2017, anh Đoàn có lời khai trình bày về việc anh Đ vay tiền và đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ trên. Đây là yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lẽ ra Tòa án Đống Đa phải yêu cầu anh Đoàn làm đơn yêu cầu cụ thể và nộp tiền tạm ứng án phí. Đối với khoản tiền vay này, dù lúc đó anh Đ và chị C vẫn còn quan hệ vợ chồng, khoản tiền vay rất lớn, nhưng cả anh, chị và anh Đoàn đều xác nhận là chỉ có anh Đ ký giấy vay tiền, chị C không ký bất kỳ giấy vay tiền nào giữa anh Đ và anh Đoàn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc anh Đ và chị C mỗi người có trách nhiệm thanh toán 1,5 tỷ đồng tiền vay anh Đoàn là không chính xác. Cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát quận Đống Đa, nhưng không cần thiết phải hủy án sơ thẩm mà cần tách yêu cầu của anh Đoàn để giải quyết khoản nợ bằng một vụ án khác khi anh Đoàn có yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, chị C đã nhất trí với việc ly hôn và nuôi con, chị C chỉ không thắc mắc gì nữa. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm không tuyên việc cấp dưỡng là thiếu sót. Tại phiên tòa hôm nay, chị C chỉ còn yêu cầu xem xét khoản nợ anh Đoàn.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa và một phần kháng cáo của chị C, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận việc anh Đ và chị C phải cùng thanh toán cho anh Đoàn khoản nợ 3 tỷ đồng và tách ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi anh Đoàn có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét bản kháng nghị và đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 01/9/2015, chị Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi dưỡng con chung giữa chị và anh Đỗ Hữu Đ. Ngày 10/12/2015, chị C có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung. Đối với các yêu cầu khởi kiện, chị đều nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 12/6/2017, chị C có đơn đề nghị rút đơn khởi kiện ly hôn.

Ngày 17/6/2016, anh Đ không đồng ý và làm đơn yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, đồng thời đã nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 26/11/2016, anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản trong đó có khoản nợ chung và đã nộp tiền tạm ứng án phí.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm lẽ ra phải ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đưa Bị đơn trở thành Nguyên đơn, Nguyên đơn trở thành Bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự. Tuy đây là vi phạm tố tụng bởi không ra quyết định đình chỉ, nhưng vì Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo thay đổi địa vị tố tụng nên vẫn đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Tại phiên tòa, chị C không có thắc mắc về vấn đề này nữa, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại cấp sơ thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc chăm sóc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung nên việc giao con và cấp dưỡng do Tòa án quyết định. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa, chị C đã đồng ý với phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc ly hôn và nuôi con, hai anh chị cũng không có ý kiến gì thắc mắc về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không tuyên về trách nhiệm cấp dưỡng là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Do vậy cần chấp nhận một phần kháng nghị này của Viện kiểm sát, sửa án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ rút yêu cầu chia tài sản chung và chỉ yêu cầu giải quyết khoản nợ chung 3 tỷ đồng là phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Cấp sơ thẩm chấp nhận việc rút yêu cầu chia tài sản chung và quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng.

Xét khoản vay nợ giữa anh Đ và anh Đoàn: Các giấy vay tiền thể hiện chỉ có anh Đoàn và anh Đ ký tên. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C trình bày không biết và không ký nhận vào bất cứ giấy vay tiền nào giữa anh Đ và anh Đoàn. Ngoài lời khai này ở cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã triệu tập anh Đoàn nhưng anh không đến và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, đây là quan hệ vay mượn giữa cá nhân anh Đoàn và anh Đ. Việc cấp sơ thẩm đã buộc anh Đ và chị C mỗi người phải thanh toán số tiền 1.500.000.000đ cho anh Đoàn là không đúng.

Ngày 02/8/2017, anh Đỗ Hữu Đoan có lời trình bày “*Tháng 10/2015 chú Đường có vay của tôi 3 tỷ đồng để thanh toán cho ngân hàng Techcombank đến thời hạn này vẫn chưa thanh toán cho tôi. Hiện nay vợ chồng chú Đường và cô Châm ly hôn tại TAND quận Đống Đa. Vậy tôi mong Tòa án giải quyết khoản nợ trên của tôi*”. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không yêu cầu anh Đoan làm đơn yêu cầu cụ thể, nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này và đưa anh Đoan vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự khi đương sự chưa làm đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu của mình, cần rút kinh nghiệm.

Do đó có cơ sở để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa và kháng cáo của chị C, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng tách phần quan hệ vay mượn giữa anh Đoan và anh Đ bằng vụ kiện dân sự khác khi anh Đoan có đơn yêu cầu và nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đoan.

Xét hai hợp đồng tín dụng được ký kết giữa anh Đ, chị C với Ngân hàng Techcombank:

- Hợp đồng số 2908 ngày 11/11/2011:
 - + Số tiền vay: 8.000.000.000 VNĐ.
 - + Mục đích vay: Mua nhà hoàn gốc cuối kỳ.
 - + Tài sản bảo đảm: 02 bất động sản tại: số 29A - T9 tập thể Sư đoàn 361, tổ 44B, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội; số 12 đường 4/5, tổ 100, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Hợp đồng số 56068 ngày 07/10/2013:
 - + Số tiền vay: 3.000.000.000 VNĐ.
 - + Mục đích vay: Tiêu dùng thế chấp bất động sản.
 - + Tài sản bảo đảm: 01 bất động sản tại: số 12 đường 4/5, tổ 100, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Hai hợp đồng tín dụng trên và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đều thể hiện việc anh chị vay tiền để mua nhà, đất tại địa chỉ số 12 đường 4/5, tổ 100, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội. Nhà và đất này đã được UBND quận Đống Đa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 23/9/2011. Tài sản này sau đó được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng số 2908. Do không trả được nợ, nên anh chị đã đáo hạn tại Techcombank bằng hợp đồng số 56068. Do đó lời trình bày của anh Đ rằng việc vay tiền được dùng để mua nhà chung của anh chị là có căn cứ.

Cả anh Đ, chị C đều thừa nhận là anh Đ tự thanh toán khoản nợ này với ngân hàng, chị C không biết và cũng không thanh toán khoản tiền nào cho ngân hàng, anh chị không bàn bạc để anh Đ đứng ra thanh toán khoản nợ này. Do đây là nợ

chung của hai vợ chồng và chỉ một mình anh Đ đứng ra thanh toán, nên việc chị C có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Đ 50% khoản nợ với ngân hàng là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của chị C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa về việc chị C có đơn khiếu nại xin thay đổi Thẩm phán nhưng chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án Tòa án nhân dân quận Đống Đa là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản giao cho anh Đ nhận thay, để anh Đ cam kết giao cho chị C là chưa đảm bảo đúng thủ tục tố tụng, bởi tuy anh chị sống chung một nhà nhưng có phát sinh mâu thuẫn về tình cảm và quyền lợi. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, chị C cũng không còn thắc mắc về vấn đề này nữa nên chỉ cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm.

Do vậy cần sửa án sơ thẩm theo những nội dung đã phân tích trên.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 37, Điều 56, Điều 57, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa và một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị C. Sửa bản án sơ thẩm số 75/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội và xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Hữu Đ. Anh Đỗ Hữu Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Xác nhận anh Đ, chị C có 04 con chung là cháu Đỗ Thị Kim Oanh - sinh ngày 23/9/1999; cháu Đỗ Thị Thanh Vân - sinh ngày 12/11/2000; cháu Đỗ Thị Lan Anh - sinh ngày 22/9/2004 và cháu Đỗ Thị Ngọc Khánh - sinh ngày 16/02/2008. Giao cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Ngọc Khánh. Cháu Đỗ Thị Kim Oanh đã trưởng thành việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định. Giao cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng hai con là cháu Đỗ Thị Thanh Vân và Đỗ Thị Lan Anh. Anh Đ, chị C có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đi lại thăm con chung, không ai có quyền ngăn cản. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ và chị C cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Buộc chị Nguyễn Thị C phải thanh toán cho anh Đỗ Hữu Đ số tiền 1.500.000.000đ (*một tỷ năm trăm triệu đồng*).

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung giữa anh Đỗ Hữu Đ và chị Nguyễn Thị C. Dành quyền khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng cho các đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Tách phần giải quyết việc vay tài sản giữa anh Đỗ Hữu Đoan và anh Đỗ Hữu Đ bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí:

Anh Đỗ Hữu Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 5805 ngày 23/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội. Trả lại anh Đỗ Hữu Đ số tiền 42.500.000đ (*bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai số 4891 ngày 28/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị C phải chịu 51.000.000đ (*năm mươi một triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 3295 ngày 12/10/2015 và biên lai số 3592 ngày 15/12/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội. Số tiền còn lại được hoàn trả lại cho chị C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi suất của khoản tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa, HN;
- Chi cục THADS quận Đống Đa, HN;
- UBND xã Dị Nậu, Thạch Thất, HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng